

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**BỘ TÀI CHÍNH**

**HỌC VIỆN TÀI CHÍNH**



**PHẠM PHAN DŨNG**

**GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG  
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG  
Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Chuyên ngành: Kinh tế tài chính - Ngân hàng**

Mã số: 62.31.12.01

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ**

**HÀ NỘI - NĂM 2008**

CÔNG TRÌNH ĐƯỢC HOÀN THÀNH TẠI  
HỌC VIỆN TÀI CHÍNH

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. ĐỖ VĂN THÀNH
2. PGS.TS. ĐINH XUÂN HẠNG

Phản biện 1: PGS, TS Nguyễn Văn Tài  
Trường Đại học Kinh tế quốc dân

Phản biện 2: PGS, TS Lê Văn Hưng  
Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ

Phản biện 3: PGS, TS Đỗ Tất Ngọc  
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Nhà Nước  
hợp tại: **Học viện Tài chính**  
vào hồi .....giờ.....ngày.....tháng.....năm 200...

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Quốc gia
- Thư viện Học viện Tài chính

## MỞ ĐẦU

### 1. Sự cần thiết của luận án

Trong những năm tới, kinh tế Việt Nam bước sang giai đoạn đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế, hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Chính phủ đã khuyến khích chính quyền các địa phương chủ động trong việc đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị. Trong hoàn cảnh đó, Quỹ Đầu tư phát triển (ĐTPT) địa phương đã và đang trở thành một công cụ tài chính quan trọng giúp chính quyền địa phương tập trung nguồn lực đầu tư vào kết cấu hạ tầng, bao gồm cả khả năng huy động vốn và liên kết với khu vực kinh tế tư nhân.

Với chủ trương, chính sách huy động mọi nguồn lực của xã hội và nền kinh tế cho đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đô thị, cùng với ý tưởng thành lập công cụ tài chính riêng cho chính quyền địa phương, Thủ tướng Chính phủ đã cho phép thành lập thí điểm Quỹ đầu tư phát triển đô thị thành phố Hồ Chí Minh vào năm 1997. Sau 10 năm thí điểm đã có 16 Quỹ đầu tư phát triển địa phương được thành lập trên cả ba miền của đất nước (*chiếm 25% số địa phương trong cả nước*), và số lượng Quỹ ĐTPT địa phương sẽ còn tăng lên trong thời gian tới. Hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương đã có sự phát triển rất mạnh mẽ trong thời gian qua, từng bước khẳng định là một công cụ tài chính đặc lực của chính quyền địa phương đối với việc phát triển kết cấu hạ tầng đô thị. Tuy nhiên, hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương còn chưa đều nhau, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kết cấu hạ tầng của các địa phương, đang phải đối mặt với nhiều thách thức và khó khăn, kể cả khó khăn về nguồn vốn dài hạn, về năng lực quản lý tài chính và thẩm định dự án. Nhìn thấy được vai trò quan trọng cũng như định hướng phát triển của các Quỹ ĐTPT địa phương trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, luận án lựa chọn đề tài "*Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các Quỹ đầu tư phát triển địa phương ở Việt Nam hiện nay*" làm đối tượng nghiên cứu.

### 2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu, phân tích và làm rõ thêm những nội dung lý luận về Quỹ đầu tư, Quỹ ĐTPT địa phương và kinh nghiệm về phát triển Quỹ đầu tư một số nước, rút ra bài học cho Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương ở Việt Nam.

- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương trong thời gian tới.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

- Đối tượng nghiên cứu: hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương ở Việt Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương ở Việt Nam từ khi Quỹ ĐTPT được chính thức thành lập (*năm 1996*) đến nay và định hướng phát triển đến năm 2010.

Liên quan đến hoạt động của các Quỹ đầu tư, trên thế giới đã có khá nhiều công trình nghiên cứu, tuy nhiên đối với Việt Nam, Quỹ Đầu tư và Quỹ Đầu tư phát triển địa phương vẫn là vấn đề tương đối mới, vì vậy, số lượng các công trình nghiên cứu còn chưa nhiều. Có thể kể ra một số công trình nghiên cứu chủ yếu như: công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ (Ủy ban chứng khoán Nhà nước) năm 2000 với chủ đề “Các giải pháp thúc đẩy sự hình thành và phát triển các loại Quỹ đầu tư tại Việt Nam”; công trình nghiên cứu khoa học cấp Bộ (Ủy ban chứng khoán Nhà nước) năm 2001 với chủ đề “Hình thành và phát triển Quỹ đầu tư chứng khoán và Công ty quản lý quỹ tại Việt Nam”; Báo cáo nghiên cứu dự án “Chuẩn bị Quỹ ĐTPT địa phương” của Ngân hàng Thế giới (WB),...

Mỗi công trình, dự án nghiên cứu nêu trên có mục đích, đối tượng và phạm vi khác nhau và chưa có công trình nào thực hiện nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện, có tính chất chuyên sâu về các Quỹ ĐTPT địa phương và hiệu quả hoạt động của nó, từ đó kiến nghị các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới như mục đích, đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án.

### **4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài nghiên cứu**

- Luận án góp phần làm rõ thêm một số nội dung lý luận về Quỹ đầu tư, Quỹ ĐTPT địa phương và vai trò của Quỹ ĐTPT địa phương trong nền kinh tế thị trường.

- Phân tích thực trạng hiệu quả hoạt động các Quỹ ĐTPT địa phương ở nước ta thời gian qua; đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, tồn tại và nguyên nhân của các hạn chế, tồn tại.

- Trên cơ sở những vấn đề lý luận, thực tiễn, kết hợp với kinh nghiệm quản lý của một số nước, Luận án đề xuất hệ thống các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương trong thời gian tới.

### **5. Kết cấu của luận án:**

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục các chữ viết tắt, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục, luận án gồm 3 chương:

**Chương 1:** Một số vấn đề lý luận cơ bản về Quỹ Đầu tư, Quỹ ĐTPT địa phương và hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương.

**Chương 2:** Thực trạng hiệu quả hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương ở nước ta.

**Chương 3:** Giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương ở nước ta hiện nay.

## **Chương 1**

### **MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ, QUỸ ĐTPT ĐỊA PHƯƠNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐTPT ĐỊA PHƯƠNG**

#### **1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ ĐẦU TƯ VÀ VỐN ĐẦU TƯ**

##### **1.1.1. Đầu tư**

Luận án nghiên cứu, phân tích khái niệm đầu tư, phân loại đầu tư và vai trò của đầu tư:

*Khái niệm đầu tư:* Đầu tư là đem một khoản tiền đã tích lũy được để sử dụng vào một mục đích nhất định sau đó trực tiếp hoặc gián tiếp thu lại một khoản tiền lớn hơn. Đầu tư xét trên giác độ nền kinh tế là sự hy sinh giá trị hiện tại gắn với việc tạo ra các tài sản mới cho nền kinh tế quốc dân của một nước, hoặc một vùng, một tỉnh, thành phố,... Các hoạt động mua bán, phân phối lại, chuyển giao tài sản giữa các cá nhân, các tổ chức không phải là đầu tư đối với nền kinh tế.

*Vai trò của đầu tư gồm:*

+ Xét trên giác độ toàn bộ nền kinh tế: Đầu tư vừa tác động đến tổng cung, vừa tác động đến tổng cầu, thúc đẩy tăng trưởng, ổn định và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

+ Xét trên giác độ các cơ sở sản xuất kinh doanh: Đầu tư quyết định sự ra đời, tồn tại và phát triển của mọi cơ sở sản xuất.

##### **1.1.2. Vốn đầu tư**

Luận án nghiên cứu, phân tích khái niệm về vốn đầu tư và các nguồn hình thành vốn đầu tư:

*Khái niệm về vốn đầu tư:* Khái niệm vốn được mở rộng về phạm vi và có các đặc trưng cơ bản sau đây: vốn được biểu hiện bằng giá trị; vốn được biểu hiện bằng tiền, nhưng không phải tất cả mọi nguồn tiền đều là vốn; vốn không chỉ được biểu hiện bằng tiền mà vốn còn biểu hiện dưới dạng tiềm năng và lợi thế vô hình.

*Các nguồn hình thành vốn đầu tư gồm:*

+ Nguồn vốn trong nước: nguồn vốn trong nước có được là do tiết kiệm từ nội bộ nền kinh tế cụ thể là: nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp; nguồn vốn tích lũy của dân cư; nguồn vốn tín dụng đầu tư; nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

+ Nguồn vốn ngoài nước: nguồn vốn FDI; nguồn vốn ODA; nguồn vốn đầu tư gián tiếp từ nước ngoài; nguồn vốn vay nợ nước ngoài.

## 1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

- Luận án nghiên cứu lịch sử hình thành và phát triển của Quỹ đầu tư, từ đó phân tích bản chất của Quỹ đầu tư và rút ra kết luận *“Quỹ đầu tư là tổ chức được hình thành bằng sự đóng góp vốn của người đầu tư để đầu tư vào danh mục các tài sản hoặc các công cụ trên thị trường tài chính nhằm đa dạng hóa lĩnh vực đầu tư và phân tán rủi ro”*.

- Nghiên cứu chủ thể tham gia góp vốn vào các Quỹ đầu tư có thể là Chính phủ, Chính quyền địa phương, các tổ chức kinh tế, tài chính, doanh nghiệp và các nhà đầu tư cá nhân. Các chủ thể tham gia vào Quỹ đầu tư nhằm tối đa hóa lợi ích từ các nguồn tài chính hiện có của mình.

- Nghiên cứu cho thấy Quỹ đầu tư thực hiện đầu tư vào danh mục đầu tư dưới 2 phương thức: đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

- Quỹ đầu tư được phân loại theo các căn cứ sau:

+ Mục tiêu đầu tư: Quỹ đầu tư cổ phiếu, Quỹ đầu tư trái phiếu, Quỹ đầu tư vào thị trường tiền tệ và Quỹ đầu tư hỗn hợp.

+ Độ linh hoạt của danh mục đầu tư: Quỹ đầu tư cố định và Quỹ đầu tư linh hoạt

+ Tính ổn định vốn đầu tư: Quỹ đầu tư dạng đóng và Quỹ đầu tư dạng mở.

+ Nguồn vốn hình thành Quỹ và phạm vi quản lý: Quỹ đầu tư chính quyền Trung ương; Quỹ đầu tư của chính quyền địa phương; Quỹ đầu tư có nhiều người góp vốn.

- Nghiên cứu và phân tích hình thức tổ chức và quản lý Quỹ đầu tư cho thấy Quỹ đầu tư được tổ chức theo các mô hình sau: mô hình dạng công ty ủy thác quản lý; mô hình dạng công ty tự quản lý; mô hình dạng hợp đồng (*mô hình Quỹ tín thác đầu tư*).

- Vai trò của Quỹ đầu tư gồm:

+ Thu hút vốn trong và ngoài nước để tài trợ cho các dự án đầu tư của Chính phủ, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, thúc đẩy tiến trình cải cách khu vực doanh nghiệp nhà nước;

+ Quỹ đầu tư vừa tạo ra các chứng khoán, vừa tạo ra nhu cầu giao dịch chứng khoán và hướng cho hoạt động chứng khoán trên thị trường diễn ra đều đặn;

+ Quỹ đầu tư cung cấp cho các nhà đầu tư nhiều thuận lợi để đạt được mục tiêu lợi nhuận của họ.

- Quy trình đầu tư của Quỹ đầu tư gồm 6 bước: nghiên cứu đầu tư, phân tích rủi ro/lợi nhuận, mục tiêu đầu tư, phân bổ tài sản, lựa chọn tài sản đầu tư, xây dựng danh mục đầu tư.

### **1.3. QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

#### **1.3.1. Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

Luận án nghiên cứu, phân tích khái niệm Quỹ ĐTPT địa phương, hoạt động và đặc điểm của Quỹ ĐTPT địa phương:

*Khái niệm Quỹ ĐTPT địa phương:* Quỹ ĐTPT địa phương là một dạng của mô hình các Quỹ Đầu tư, là một tổ chức tài chính của chính quyền các địa phương thực hiện chức năng đầu tư tài chính và đầu tư phát triển, có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có bảng cân đối kế toán và con dấu riêng. Quỹ ĐTPT địa phương hoạt động theo nguyên tắc tự chủ về tài chính, bảo toàn và phát triển vốn, tự bù đắp chi phí và tự chịu rủi ro.

*Các hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương gồm:*

- + Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- + Đầu tư vốn trực tiếp vào các dự án; đầu tư gián tiếp; góp vốn thành lập doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
- + Ủy thác cho vay đầu tư, thu hồi nợ; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư, cho vay đầu tư, thu hồi nợ, cấp phát vốn đầu tư, phát hành trái phiếu chính quyền địa phương.

*Đặc điểm của Quỹ ĐTPT địa phương:*

- + Là loại định chế tài chính do chính quyền các địa phương sở hữu 100% vốn, chưa có sự tham gia của công chúng đầu tư như các loại hình Quỹ đầu tư khác.
- + Mô hình tổ chức quản lý thuộc nhóm Quỹ đầu tư tổ chức theo mô hình tự quản lý, với cơ cấu đầy đủ như một doanh nghiệp; không có sự tham gia của các tổ chức trung gian.
- + Hoạt động nhằm mục tiêu vừa thực hiện các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương (*mục tiêu chính sách*), vừa thực hiện mục tiêu gia tăng giá trị vốn cho chủ sở hữu và giảm tính chất bao cấp trong hoạt động.
- + Ngoài nguồn vốn NSNN, các Quỹ ĐTPT địa phương còn có thể vay từ ngân hàng và các hình thức huy động vốn khác như kêu gọi các tổ chức, cá nhân cùng hợp vốn để đầu tư, phát hành trái phiếu để huy động vốn,...

Ngoài ra, Luận án đã phân tích một số đặc điểm về sở hữu, về mục tiêu, về phạm vi và hình thức hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương.

### **1.3.2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

Luận án nghiên cứu, phân tích và khái quát khái niệm hiệu quả Quỹ ĐTPT địa phương và xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương:

*Khái niệm hiệu quả:* Hiệu quả là các đặc trưng kinh tế kỹ thuật xác định bằng tỷ lệ so sánh giữa đầu ra và đầu vào của hệ thống. Riêng đối với nền sản xuất xã hội thì hiệu quả kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn lực của xã hội trong sản xuất thông qua các chỉ tiêu đặc trưng kỹ thuật được xác định bằng tỷ lệ so sánh giữa các chỉ tiêu phản ánh kết quả đạt được về kinh tế với các chỉ tiêu phản ánh chi phí đã bỏ ra hoặc nguồn sản xuất được huy động vào sản xuất. Hiệu quả kinh tế nền sản xuất xã hội khác với hiệu quả kinh tế xã hội ở phạm vi bao quát, hiệu quả kinh tế xã hội có nội dung rộng hơn xét không chỉ về kết quả kinh tế mà cả về kết quả xã hội đạt được.

*Các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương:* Để đánh giá hiệu quả Quỹ ĐTPT địa phương, Luận án đánh giá qua hệ thống các chỉ tiêu sau:

- + Chỉ tiêu đánh giá hiệu quả về tài chính: Huy động vốn; đầu tư vốn, lợi nhuận.
- + Chỉ tiêu về hiệu quả kinh tế - xã hội: Việc huy động vốn và sử dụng nguồn vốn đầu tư vào các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau ngoài việc mang lại hiệu quả cho chính các Quỹ ĐTPT địa phương và các nhà đầu tư, mà còn mang lại hiệu quả chung cho toàn bộ xã hội như tạo ra cơ sở để tăng năng lực sản xuất của nền kinh tế; hệ thống cơ sở hạ tầng để phục vụ cho mục tiêu phát triển; tạo công ăn việc làm và thu nhập cho người lao động. Sản phẩm ra tăng sẽ tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước hoặc phục vụ cho mục tiêu xuất khẩu. Hoạt động đầu tư cũng góp phần tạo ra các khoản thu thuế cho Chính phủ để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu quản lý xã hội.

*Các nhân tố ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương gồm:* Môi trường kinh tế ổn định; các điều kiện về pháp lý đầy đủ; thị trường vốn, thị trường chứng khoán phát triển; năng lực quản trị và nguồn nhân lực có trình độ cao.

## **1.4. KINH NGHIỆM VỀ PHÁT TRIỂN MÔ HÌNH QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM**

Luận án nghiên cứu kinh nghiệm phát triển mô hình Quỹ đầu tư phát triển của các nước Trung Quốc, Thái Lan, Malayxia, Ấn Độ. Qua đó, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:



*Một là*, không có mô hình nào tối ưu cho các Quỹ đầu tư phát triển. Việc áp dụng mô hình quỹ nào phụ thuộc vào điều kiện và môi trường kinh tế cũng như hệ thống pháp luật của từng nước khác nhau.

*Hai là*, tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển đều có hệ thống văn bản pháp lý khá hoàn chỉnh và ở cấp độ Luật để điều chỉnh.

*Ba là*, khuyến khích đa dạng hoá danh mục đầu tư nhằm phân tán rủi ro.

*Bốn là*, cần có sự quan tâm đúng mức đến việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư phát triển.

## Chương 2

### THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG Ở NƯỚC TA

#### 2.1. SỰ RA ĐỜI, CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

##### 2.1.1. Bối cảnh kinh tế - xã hội

Sau hơn 20 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, nền kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng bình quân là 7%/năm, xuất khẩu tăng bình quân trên 20%/năm; bội chi ngân sách được duy trì ở mức dưới 5% GDP/năm. Chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần đã tạo điều kiện cho sự ra đời của nhiều doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, trong đó có nhiều loại định chế tài chính như ngân hàng, bảo hiểm, công ty Chứng khoán, công ty quản lý Quỹ,... Thị trường chứng khoán chính thức được thành lập từ tháng 7/2000 và phát triển mạnh trong những năm gần đây.

**Bảng 2.1: Động thái GDP và vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2001 – 2006**

Chỉ tiêu	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Tốc độ tăng GDP(%)	6,9	7,1	7,3	7,8	8,4	8,2
Tốc độ tăng vốn đầu tư (%)	12,8	16,8	16,3	18,7	21,8	16,3
Tỷ trọng trên GDP (%)	35,4	37,2	37,8	38,4	39,9	40,0
Hệ số ICOR	5,1	5,2	5,1	4,9	4,7	4,9

*Nguồn: Niên giám thống kê*

Nhu cầu vốn để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là rất lớn. Việc hình thành một tổ chức tài chính riêng cho Chính quyền địa phương sẽ giải quyết được

nhiều mục tiêu, vừa sử dụng có hiệu quả nguồn vốn NSNN, vừa huy động thêm các nguồn vốn nhân rồi khác thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Nền kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường nhưng vẫn giữ vững được sự ổn định về chính trị và xã hội. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Việc thực hiện Hiệp định thương mại Việt - Mỹ, việc tham gia ASEAN, gia nhập AFTA, gia nhập WTO đã tạo ra cơ hội và thách thức cho các doanh nghiệp Việt Nam trong hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

Hệ thống luật pháp của Việt Nam cũng được đổi mới nhanh chóng. Tính từ năm 1995 đến nay, đã có trên 90 Bộ luật, luật, pháp lệnh và hàng trăm Nghị định được ban hành nhằm điều chỉnh các mối quan hệ kinh tế - xã hội

### **2.1.2. Sự ra đời và phát triển của các Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

Ngày 10/9/1996, Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 644/TTg) cho phép Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh được thành lập Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, ngày 19/6/1997, Bộ Tài chính đã cấp Giấy phép hoạt động số 441 TC/TCNH cho Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Từ kinh nghiệm của thành phố Hồ Chí Minh, một số địa phương khác có tiềm lực tài chính và thực sự có nhu cầu đã xây dựng đề án đề nghị Bộ Tài chính thẩm định và cho phép thành lập Quỹ ĐTPT. Tính đến hết năm 2006, trong cả nước có 16 Quỹ ĐTPT được thành lập.

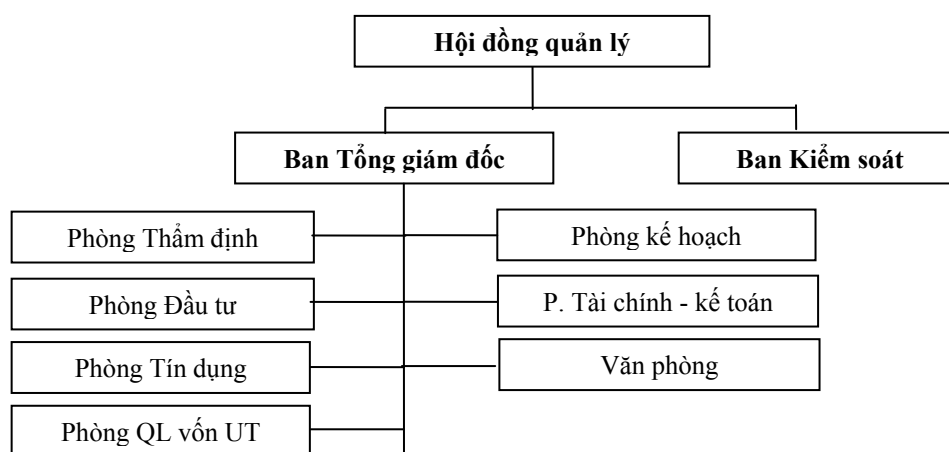
### **2.1.3. Cơ cấu tổ chức của các Quỹ đầu tư phát triển**

Về cơ cấu tổ chức, các Quỹ có Hội đồng quản lý, ban kiểm soát và bộ máy điều hành tác nghiệp. Bộ máy của các Quỹ ĐTPT được tổ chức theo hai mô hình: độc lập và kiêm nhiệm. Từ thực tế hoạt động cho thấy, các Quỹ ĐTPT có bộ máy độc lập hoạt động có hiệu quả hơn các Quỹ ĐTPT hoạt động theo mô hình kiêm nhiệm. Tổ chức bộ máy của các Quỹ ĐTPT địa phương trong thời gian qua còn bộc lộ các hạn chế, tồn tại:

*Một là*, tổ chức bộ máy của các quỹ chưa thống nhất;

*Hai là*, cơ chế hoạt động của Hội đồng quản lý và bộ máy điều hành còn nghiêng nhiều về quản lý hành chính;

*Ba là*, các phòng nghiệp vụ chưa thực hiện hết chức năng nhiệm vụ được giao, trong khi có một số mảng công việc lại có sự chồng chéo trong quản lý, chưa có sự phân định rạch ròi về quyền hạn, trách nhiệm trong quá trình triển khai nhiệm vụ được giao.



**Sơ đồ 2.1: Cơ cấu tổ chức của Quỹ đầu tư phát triển địa phương**

## 2.2. THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG

### 2.2.1. Hiệu quả huy động vốn

*Vốn chủ sở hữu:* Vốn điều lệ ban đầu của các Quỹ ĐTPT địa phương do ngân sách tỉnh, thành phố bố trí một phần trong dự toán chi NSNN hoặc từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi của ngân sách địa phương. Đồng thời, để đảm bảo tiềm lực tài chính của Quỹ, một số địa phương đã dành một lượng vốn đáng kể từ NSNN hoặc có nguồn gốc từ NSNN để bổ sung thêm sau khi Quỹ được thành lập. Ngoài ra theo chế độ quy định, hàng năm khi hoạt động của Quỹ phát sinh số thu lớn hơn chi, Quỹ có thực hiện trích một phần để bổ sung vốn điều lệ cho hoạt động. Tính đến 31/12/2006, tổng số vốn điều lệ của các Quỹ ĐTPT địa phương đạt 3.527 tỷ đồng.

*Hiệu quả trong hoạt động huy động vốn:* Các hình thức huy động vốn gồm vay các ngân hàng thương mại trong nước; huy động các nguồn vốn nhàn rỗi trên địa bàn như vốn khấu hao tài sản cố định, lợi nhuận sau thuế của các doanh nghiệp trên địa bàn; vay vốn từ các tổ chức tài chính ngoài nước; phát hành trái phiếu để huy động vốn cho Quỹ. Tính đến 31/12/2006, tổng số vốn huy động của tất cả các Quỹ ĐTPT đạt 2.580 tỷ đồng, trong đó: vay từ các ngân hàng là 542 tỷ đồng, chiếm 21% tổng số vốn huy động; huy động tiền gửi nhàn rỗi của các tổ chức kinh tế trong nước là 1.266 tỷ đồng, chiếm 50% tổng số vốn huy động; vay từ các tổ chức nước ngoài là 773 tỷ đồng, chiếm 30% tổng số vốn huy động.

Thực tế đến nay việc phát hành trái phiếu huy động vốn của Quỹ vẫn chưa được triển khai thực hiện. Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh, Quỹ ĐTPT Hà Nội và Quỹ ĐTPT Đồng Nai mới chỉ thực hiện việc phát hành trái phiếu theo uỷ quyền của UBND các tỉnh, thành phố. Nguyên nhân chưa phát hành trái phiếu là do:

*Một là*, chưa được giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư các dự án có phát hành trái phiếu công trình để huy động vốn;

*Hai là*, trong các năm đầu hoạt động, nguồn vốn điều lệ, kết hợp với việc khai thác nguồn từ các hoạt động cho vay hợp vốn đã phần nào đảm bảo nhu cầu về nguồn vốn hoạt động của các Quỹ ĐTPT;

*Ba là*, thị trường tài chính nước ta chưa phát triển, khả năng tập trung và phân bổ các nguồn vốn trong nền kinh tế còn hạn chế.

### **2.2.2. Hiệu quả hoạt động đầu tư**

Luận án đã phân tích hiệu quả hoạt động đầu tư trực tiếp ở một số Quỹ ĐTPT, đặc biệt là các tỉnh thuộc vùng kinh tế động lực phía Nam, với tổng số vốn đạt trên 1.000 tỷ đồng. Đồng thời, phân tích những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện như: một số địa phương chưa thống nhất giao cho Quỹ ĐTPT là chủ đầu tư các dự án lớn về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội; thời gian triển khai các dự án đầu tư trực tiếp thường kéo dài; các dự án được thực hiện dưới hình thức hợp tác đầu tư thường gặp phải khó khăn trong quản lý giữa các bên tham gia góp vốn và phương thức phân chia lợi nhuận; hầu hết các dự án đầu tư thường có thời gian hoàn vốn từ 3 năm trở lên, do đó nếu sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn của các ngân hàng để đầu tư thì gặp nhiều khó khăn về việc cân đối nguồn vốn hoạt động; lực lượng cán bộ của các Quỹ ĐTPT còn thiếu về kinh nghiệm thực tế và chuyên nghiệp hoá như các công ty đầu tư chuyên ngành.

Hoạt động cho vay các dự án của tất cả các Quỹ ĐTPT địa phương được triển khai khá hiệu quả. Các Quỹ đã tập trung đầu tư vào các dự án trọng điểm của địa phương như: các dự án cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương, đường Điện Biên Phủ của Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh; các dự án đầu tư chế biến hạt điều của Quỹ ĐTPT Bình Định; dự án cấp thoát nước, quy hoạch khu dân cư của Bình Dương.... Từ khi được thành lập đến hết năm 2006, hệ thống các Quỹ ĐTPT địa phương đã thực hiện cho vay trên 600 dự án với dư nợ vốn vay đến hết năm 2006 đạt trên 5.000 tỷ đồng; tỷ thu hồi nợ của các Quỹ ĐTPT địa phương đạt trên 99%; nợ quá hạn đến 31/12/2006 là 4,5 tỷ đồng, chiếm 0,09% trên tổng dư nợ.

**Bảng 2.7: Tổng hợp tình hình đầu tư của các Quỹ ĐTPT địa phương**

(Đơn vị: tỷ đồng)

Phương thức	1997 - 2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006	Cộng
1. Đầu tư trực	90	24	65	127	89	111	500	<b>1.008</b>

tiếp								
2. Cho vay đầu tư	1.011	521	940	1.047	1.107	1.287	3.478	<b>9.391</b>
<b>Cộng:</b>	<b>1.101</b>	<b>545</b>	<b>1.005</b>	<b>1.574</b>	<b>1.196</b>	<b>1.398</b>	<b>3.978</b>	<b>10.399</b>

*Nguồn: Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Bộ Tài chính*

Các hạn chế trong hoạt động cho vay của các Quỹ ĐTPT địa phương thời gian qua là: *Thứ nhất*, một số Quỹ ĐTPT địa phương sử dụng nguồn vốn tự có và vốn huy động được để thực hiện cho vay ngắn hạn. *Thứ hai*, đối với các chủ dự án vay vốn, tư tưởng ỷ lại và trông chờ vào sự bao cấp của chính quyền địa phương vẫn còn. *Thứ ba*, nhu cầu vốn của các dự án đầu tư nhất là các dự án về giao thông, y tế đòi hỏi nguồn vốn tài trợ khổng lồ, khả năng đáp ứng của Quỹ mới chỉ được một phần.

Để tăng nhanh vòng quay của vốn và thu hút các thành phần kinh tế khác cùng tham gia đầu tư, các Quỹ ĐTPT đã triển khai hoạt động “*thoát vốn*” thông qua việc chuyển nhượng các dự án đầu tư. Theo hình thức này, các khoản đầu tư của Quỹ ĐTPT được chuyển nhượng cho các tổ chức, cá nhân khác thực hiện quản lý, khai thác. Hoạt động chuyển nhượng dự án đã được áp dụng tại Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2000, Quỹ ĐTPT đô thị đã hợp vốn với 4 ngân hàng thương mại thực hiện cho vay để đầu tư đường Hùng Vương - Điện Biên Phủ với tổng mức vốn cho vay là trên 1.200 tỷ đồng; thời hạn cho vay là 10 năm, lãi suất cho vay 5%/năm. Theo kế hoạch nguồn hoàn trả được lấy từ chính các khoản thu phí của các phương tiện giao thông lưu hành trên con đường này. Nhằm đẩy nhanh tiến độ thu hồi vốn, Quỹ ĐTPT đô thị đã báo cáo UBND thành phố cho phép thành lập công ty cổ phần Khai thác hạ tầng đô thị (CII) để thực hiện quản lý, khai thác tuyến đường trên. Công ty CII đã thực hiện phát hành chứng khoán để huy động vốn từ công chúng, kết hợp với các nguồn vốn vay khác để hoàn trả lại toàn bộ phần vốn đầu tư của thành phố (1.200 tỷ đồng trong thời gian 18 tháng). Với hoạt động này, Quỹ đã rút vốn được 250 tỷ đồng vốn cho vay để tiếp tục thực hiện quay vòng cho các mục tiêu khác. Số vốn tham gia của quỹ tại công ty cổ phần chỉ còn lại là 50 tỷ đồng.

Ngoài hoạt động thoát vốn trên, các Quỹ ĐTPT địa phương còn thực hiện chuyển hoá vốn đầu tư thông qua hoạt động khác như: tự bỏ vốn để lập quy hoạch, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp, khu đô thị sau đó chuyển nhượng cho các chủ đầu tư khác quản lý, khai thác hoặc tiếp tục bỏ vốn đầu tư thêm và thực hiện thu hồi vốn khi đưa dự án vào khai thác, sử dụng.

Hoạt động đầu tư trên thị trường vốn được thực hiện thông qua phương thức thành lập công ty chứng khoán để thực hiện chức năng tự doanh và cung cấp các dịch vụ cho các nhà đầu tư trên thị trường chứng khoán, hiện nay, mới chỉ có Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh thành lập công ty chứng khoán. Công ty cổ phần Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh được thành lập tháng 6/2003 với mức vốn tham gia của Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh là 10 tỷ đồng (*bằng 20% vốn điều lệ*). Hoạt động của công ty thời gian qua đã có hỗ trợ tích cực trong việc cổ phần hoá các DNNN trên địa bàn, đặc biệt đây cũng là tổ chức hỗ trợ tích cực cho Quỹ ĐTPT đô thị trong việc hoàn thành chỉ tiêu phát hành trái phiếu đô thị mà UBND thành phố uỷ quyền thực hiện. Sau 4 năm hoạt động, Công ty Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có lợi nhuận đạt 50,1 tỷ đồng.

### 2.2.3. Hiệu quả hoạt động tư vấn và dịch vụ của các Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Quản lý vốn uỷ thác được thực hiện giữa tổ chức uỷ thác với Quỹ ĐTPT địa phương. Tính đến hết tháng năm 2006, trong tổng số 16 quỹ ĐTPT địa phương hiện có, đã có 4 Quỹ thực hiện quản lý vốn uỷ thác. Các hạn chế, tồn tại của việc quản lý vốn uỷ thác trong thời gian qua là: *một là*, chưa khai thác được các nguồn vốn uỷ thác từ các tổ chức kinh tế, tài chính khác trong và ngoài nước; *hai là*, việc quản lý vốn uỷ thác ở các Quỹ ĐTPT đều mang tính kiêm nhiệm, chưa có bộ phận chuyên về khai thác và thực hiện riêng chức năng về quản lý vốn uỷ thác.

**Bảng 2.10: Vốn uỷ thác giải ngân của các Quỹ đầu tư phát triển**

(Đơn vị: Tỷ đồng)

Quỹ đầu tư	2000	2001	2002	2003	2004	2005	2006
Quỹ ĐTPT đô thị TP HCM	547	697	510	482	504	521	987
Quỹ ĐTPT Bình Định	0,7	0,9	0,9	1,2	20	22,7	-
Quỹ ĐTPT Đồng Nai			18,6	18,6	24,3	27,2	13,6
Quỹ ĐTPT Bình Dương				54	29,5	19,5	-

*Nguồn: Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Bộ Tài chính*

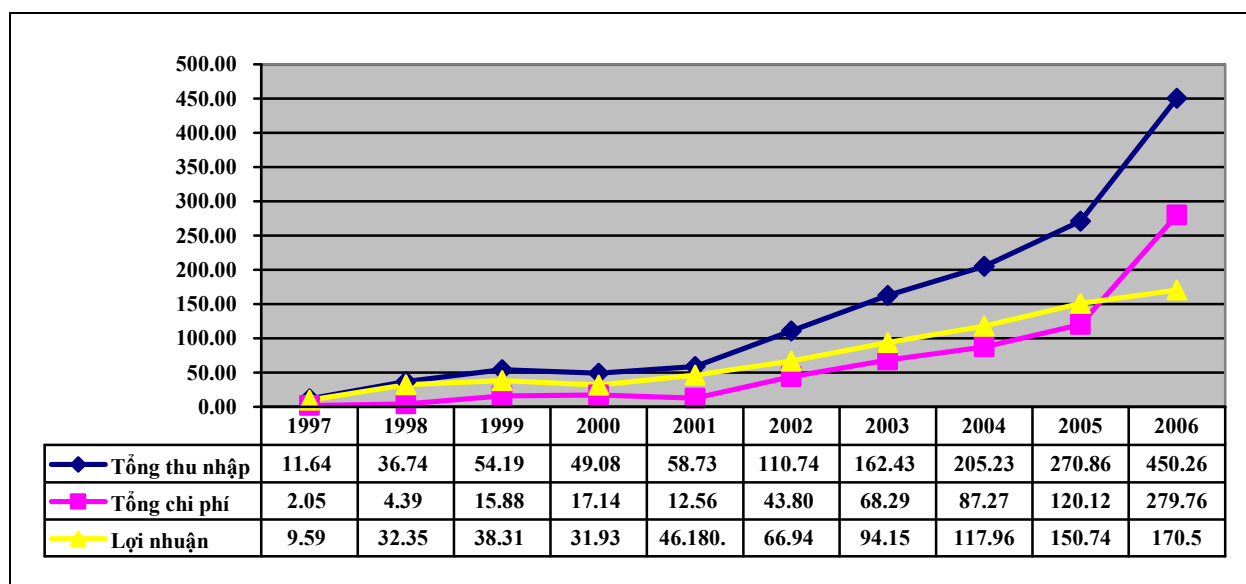
Dịch vụ tư vấn tài chính hiện mới chỉ được triển khai thực hiện đối với Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh và Quỹ ĐTPT Đồng Nai. Riêng Quỹ ĐTPT Đồng Nai đã liên kết với công ty Tư vấn thiết kế xây dựng tỉnh Đồng Nai để thành lập riêng một công ty Tư vấn đầu tư. Tính đến hết năm 2006, các Quỹ ĐTPT khai được 152 hợp đồng với tổng giá trị 8,7 tỷ đồng.

Từ năm 2003 - 2006, các Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh, Quỹ ĐTPT Hà Nội và Quỹ ĐTPT Đồng Nai đã được chính quyền cấp tỉnh uỷ quyền phát hành trái phiếu huy động vốn. Kết quả đến hết năm 2006 đã huy động được 8.743 tỷ đồng (*Quỹ ĐTPT đô thị thành phố Hồ Chí Minh: 7.000 tỷ đồng; Quỹ ĐTPT Hà Nội: hơn 1.500 tỷ; Quỹ ĐTPT Đồng Nai 243 tỷ đồng*). Việc phát hành trái phiếu Chính quyền địa phương trong thời gian qua còn một số hạn chế: *Một là*, việc huy động vốn còn mang tính thụ động; *Hai là*, các nguyên tắc xác định lãi suất trái phiếu Chính quyền địa phương còn chưa tuân thủ các chuẩn mực chung của thị trường vốn; *Ba là*, công tác tổ chức thực hiện phát hành trái phiếu còn nhiều lúng túng. Hiệu quả sử dụng vốn chưa cao; nguồn vốn nhàn rỗi chưa được sử dụng tối đa cho mục tiêu đầu tư phát triển.

#### 2.2.4. Hiệu quả tài chính của Quỹ đầu tư phát triển địa phương

Sơ đồ dưới cho thấy tổng thu nhập, chi phí và lợi nhuận tỷ lệ thuận với nhau, và tăng mạnh trong các năm trở lại đây. Tổng thu nhập năm 1997 mới có 11,64 tỷ đồng và lợi nhuận 9,59 tỷ đồng thì đến cuối năm 2006 đạt 450,26 tỷ đồng thu nhập và 170,5 tỷ đồng lợi nhuận.

Đơn vị: Tỷ đồng



Nguồn: Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Bộ Tài chính

TT	Tên Quỹ	ROA	ROE
1	Hà Tây	0,045	0,045
2	Tiền Giang	0,012	0,012
3	Bình Dương	0,056	0,074
4	Bình Định	0,030	0,030
5	Đăklắc	0,007	0,008
6	Khánh Hoà	0,046	0,049

7	Đồng Tháp	0,013	0,074
8	Hải Phòng	0,032	0,282
9	Đồng Nai	0,024	0,050
10	TP Hồ Chí Minh	0,045	0,055
11	Tây Ninh	0,110	0,110
12	Hà Nội	0,018	0,019
13	Ninh Bình	0,063	0,065
14	Hải Dương	0,012	0,012
15	KonTum	0,012	0,012
	<b>Tổng</b>	<b>0,036</b>	<b>0,048</b>

*Nguồn: Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Bộ Tài chính*

Tỷ lệ ROE bình quân của các Quỹ ĐTPT là 0,048, tức là 1 đồng vốn chủ sở hữu bỏ ra sẽ thu được 0,048 đồng lợi nhuận sau thuế. ROA bình quân của các Quỹ ĐTPT địa phương là 0,036, tức là 1 đồng vốn đầu tư (*tài sản*) bỏ ra sẽ thu được 0,036 đồng lợi nhuận sau thuế.

## **2.3. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

### **2.3.1. Kết quả đạt được**

*Một là*, tạo công cụ cho chính quyền các địa phương tập trung những nguồn vốn nhỏ, lẻ tích lũy được trong quá trình chấp hành NSNN để hình thành nguồn vốn lớn hơn phục vụ cho đầu tư phát triển, từng bước chuyển hoá các hoạt động cấp phát sang hoạt động cho vay.

*Hai là*, tạo kiện đa dạng hoá các hình thức và công cụ huy động vốn; từng bước thực hiện mục tiêu xã hội hoá các hoạt động đầu tư.

*Ba là*, góp phần phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp dân cư.

*Bốn là*, hoạt động Quỹ ĐTPT địa phương đã từng bước tiếp cận với cơ chế thị trường.

### **2.3.2. Những hạn chế**

*Một là*, khung pháp lý cho hoạt động của Quỹ chưa được ban hành một cách đồng bộ.

*Hai là*, hoạt động của các Quỹ còn thiên về hoạt động của các tổ chức tín dụng với việc cho vay vốn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu đầu tư, chưa thực hiện được đầy đủ chức năng của một tổ chức đầu tư tài chính.

*Ba là*, việc huy động vốn tuy đã được triển khai nhưng hiệu quả chưa cao. Nguồn vốn điều lệ còn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của các Quỹ ĐTPT.

*Bốn là*, kết quả hoạt động của các Quỹ chưa đồng đều. Các Quỹ ĐTPT phía bắc hoạt động kém hiệu quả hơn các tỉnh phía nam.



*Năm là*, các quỹ chưa chuẩn bị được các điều kiện cần thiết để hình thành các công cụ tài chính hỗ trợ như các đơn vị trực thuộc, các quỹ con nhằm xác định vai trò “*hạt nhân*” của Quỹ và phân tán rủi ro.

### **2.3.3. Nguyên nhân của các hạn chế**

*Thứ nhất*, tư tưởng, quan điểm về việc hình thành các định chế tài chính mới như mô hình của các Quỹ ĐTPT địa phương còn chưa thống nhất.

*Thứ hai*, khuôn khổ kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định, chưa tạo ra cơ hội để đầu tư và khai thác các nguồn lực tài chính.

*Thứ ba*, khung pháp lý cho hoạt động của định chế trung gian tài chính nói chung và các Quỹ ĐTPT địa phương nói riêng chưa đầy đủ, thiếu tính đồng bộ.

*Thứ tư*, sự kết hợp trong quản lý hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương còn hạn chế.

*Thứ năm*, trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý Quỹ ĐTPT chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra, đặc biệt là trong điều kiện hoạt động của Quỹ đòi hỏi tính chuyên sâu trong nhiều lĩnh vực.

## **Chương 3**

### **GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY**

#### **3.1. SỰ CẦN THIẾT PHẢI TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

Luận án phân tích sự cần thiết phải tiếp tục phát triển Quỹ ĐTPT địa phương xuất phát từ:

- Định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước;
- Định hướng và mục tiêu huy động và phân bổ nguồn lực tài chính quốc gia;
- Định hướng và mục tiêu phát triển kinh tế vùng;

#### **3.2. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

##### **3.2.1. Mục tiêu phát triển**

- Tạo ra một công cụ tài chính mới, linh hoạt, giúp chính quyền địa phương thực thi có hiệu quả các chính sách huy động và đầu tư theo chiến lược phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn;
- Các Quỹ ĐTPT đóng vai trò chủ thể khởi xướng, dẫn dắt hoạt động đầu tư thông qua các hình thức đầu tư đa dạng của Quỹ, tạo tiền đề và công cụ quan trọng cho việc thực hiện xã hội hoá đầu tư tại địa phương.

- Bổ trợ cho các kênh đầu tư khác tại địa phương (NSNN, Ngân hàng phát triển Việt Nam, hệ thống các tổ chức tài chính - tín dụng...), đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn ngân sách để đầu tư vào các công trình, dự án kết cấu hạ tầng;

- Làm cầu nối giúp chính quyền địa phương tiếp cận và huy động được vốn trên thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

### **3.2.2. Định hướng phát triển**

- Huy động tối đa các nguồn vốn nhân rồi trong nền kinh tế phục vụ đầu tư phát triển, đặc biệt là hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của các địa phương

- Thực hiện hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào các ngành, lĩnh vực then chốt có ý nghĩa quyết định tới chuyển dịch và tăng trưởng kinh tế, khai thác tối đa các lợi thế so sánh của từng địa phương

- Không thành lập Quỹ một cách tràn lan, chỉ tập trung vào các thành phố lớn, các vùng kinh tế trọng điểm và tại các địa phương có tiềm lực tài chính.

- Chuyên dân hoạt động của các Quỹ theo cơ chế thị trường, đóng góp tích cực vào việc phát triển thị trường tài chính trong nước.

- Xây dựng mô hình tổ chức, cơ cấu sở hữu của các Quỹ ĐTPT địa phương phù hợp với yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ

- Đa dạng hoá hoạt động, phân tán rủi ro, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động và an ninh tài chính, tiền tệ quốc gia

- Hoạt động đầu tư phải phù hợp với kế hoạch, quy hoạch ngành và quy hoạch vùng lãnh thổ

## **3.3. GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỊA PHƯƠNG**

Trên cơ sở khái quát hoá lý luận, phân tích thực tiễn, đánh giá những ưu nhược điểm và làm rõ nguyên nhân nhược điểm của các Quỹ ĐTPT, Luận án đã kiến nghị và đề xuất những giải pháp cụ thể như:

### **3.3.1. Kiểm soát việc thành lập các Quỹ đầu tư phát triển theo đúng điều kiện, tiêu chuẩn qui định**

Để tránh việc hình thành các Quỹ ĐTPT một cách tràn lan, cần có cơ chế để kiểm soát việc thành lập các Quỹ ĐTPT địa phương. Nghị định số 138/2007/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của các Quỹ ĐTPT địa phương quy định các điều kiện cần thiết để thành lập Quỹ ĐTPT địa phương. Tuy nhiên, trên phương diện quản lý Nhà nước, một số vấn đề

cần được xem xét: *Một là*, việc giao toàn bộ thẩm quyền quyết định cho các địa phương dễ dẫn đến tình trạng một số quỹ chưa đủ điều kiện vẫn được thành lập, nhất là thiếu điều kiện về mức vốn điều lệ; *Hai là*, xét về tính chất và đặc điểm hoạt động, Quỹ ĐTPT cần được quản lý tập trung, thống nhất bởi một cơ quan quản lý Nhà nước ở Trung ương.

Để khắc phục các hạn chế, tồn tại thời gian qua, đồng thời đáp ứng yêu cầu quản lý của Nhà nước cần xem xét áp dụng cơ chế chấp thuận hoặc cấp phép đối với việc thành lập của các Quỹ ĐTPT địa phương. Do nguồn vốn để thành lập Quỹ có nguồn gốc từ NSNN, đồng thời hoạt động của Quỹ mang tính chất của một tổ chức đầu tư tài chính nên về chức năng quản lý Nhà nước sẽ chủ yếu do Bộ Tài chính quản lý. Tuy nhiên, trong hoạt động, các Quỹ ĐTPT có thực hiện cả hoạt động cho vay - liên quan đến chức năng quản lý Nhà nước của Ngân hàng Nhà nước. Vì vậy, một cơ chế toàn diện và hợp lý nhất đối với việc cho phép thành lập các Quỹ ĐTPT địa phương là do Bộ Tài chính chấp thuận hoặc cấp phép hoạt động sau khi có ý kiến thống nhất của ngân hàng Nhà nước.

Ngoài mô hình các Quỹ ĐTPT được thành lập với tư cách là một định chế tài chính công do Nhà nước sở hữu 100% vốn như quy định hiện hành, có thể xem xét cho phép thí điểm thành lập các Quỹ ĐTPT địa phương dưới hình thức cổ phần với vốn góp của Nhà nước chiếm tỷ lệ chi phối để huy động thêm các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

### **3.3.2. Đẩy mạnh công tác huy động vốn dưới hình thức phát hành trái phiếu**

Ban hành đồng bộ hệ thống các văn bản hướng dẫn thực hiện luật Chứng khoán (*áp dụng đối với trường hợp phát hành trái phiếu ra công chúng*) và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 52/2006/NĐ-CP ngày 19/5/2006 của Chính phủ về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

Cần sớm hình thành tổ chức định mức tín nhiệm, trước mắt có thể cho phép các tổ chức định mức tín nhiệm trong nước và các tổ chức định mức tín nhiệm liên doanh với tỷ lệ vốn tham gia của bên nước ngoài tối đa là 49%, sau đó căn cứ tình hình thị trường có thể mở rộng đối tượng tham gia.

Sớm hình thành thị trường giao dịch trái phiếu chuyên biệt theo hướng phi tập trung để tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao dịch của tất cả các tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế.

Cho phép các Quỹ ĐTPT trực tiếp làm chủ đầu tư công trình sử dụng vốn vay để có thể làm chủ thể thực hiện phát hành trái phiếu công trình cho chính các công trình đó.

### **3.3.3. Tăng cường việc chuyển nhượng dự án, chứng khoán hoá các khoản đầu tư**

Trong thời gian tới, hoạt động chuyển nhượng dự án cần được mở rộng ra các Quỹ ĐTPT khác với đối tượng chuyển nhượng rộng hơn, bao gồm cả các công trình về đường giao thông, cầu, hệ thống nước,... Đây cũng là tiền đề cho việc thực hiện nghiệp vụ chứng khoán hoá các khoản đầu tư của Quỹ ĐTPT.

Từ thực tiễn hoạt động của các Quỹ ĐTPT, tác giả đề xuất một số mô hình thực hiện chứng khoán hoá đối với các hoạt động đầu tư của Quỹ ĐTPT như sau:

+ Mô hình chứng khoán hoá các khoản bán nhà trả góp: Quỹ thực hiện chương trình xây dựng nhà chung cư để bán trả góp. Bên có nghĩa vụ thanh toán (*bên mua nhà*) thế chấp căn hộ do Quỹ ĐTPT xây dựng để bảo đảm nghĩa vụ thanh toán tiền mua nhà.

+ Mô hình chứng khoán hoá các khoản phải thu từ các dự án độc lập: Để đầu tư một dự án độc lập với một mức đầu tư tương đối lớn, Quỹ ĐTPT địa phương phải huy động vốn theo phương thức tài trợ dự án (*prosect finance*). Tài trợ dự án là một phương thức huy động nguồn tài chính ngoại bảng, theo đó Quỹ ĐTPT sẽ thành lập một công ty dự án (*project company*) để phát triển một dự án cụ thể. Nguồn tài chính thực hiện dự án bao gồm vốn chủ sở hữu của công ty dự án do Quỹ ĐTPT góp và nguồn vốn vay, thông thường là một khoản vay hợp vốn từ các tổ chức tín dụng. Toàn bộ tài sản của công ty dự án, bao gồm cả các khoản phải thu sẽ được thế chấp và cầm cố để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay và bên cho vay cũng chỉ có thể dựa vào dòng tiền của dự án để thu hồi nợ. Như vậy, các bên đồng tài trợ cùng chia sẻ rủi ro với Quỹ ĐTPT. Về nguyên tắc, Quỹ ĐTPT chỉ được chia lợi nhuận sau khi các bên cho vay đã thu hồi một phần lớn hoặc toàn bộ khoản vay. Phương thức tài trợ dự án được áp dụng phổ biến với các dự án phát triển cơ sở hạ tầng có nhu cầu vốn đầu tư lớn và có nguồn thu ổn định hay đầu ra của sản phẩm được bao tiêu (*dự án đường, nước sinh hoạt, ...*).

Để tạo điều kiện cho các Quỹ ĐTPT địa phương thực hiện thành công các nghiệp vụ chứng khoán hoá, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý cho hoạt động chứng khoán hoá; tạo điều kiện phát triển các định chế trung gian tham gia thực nghiệp vụ chứng khoán hoá; nâng cao nhận thức của các doanh nghiệp và các nhà đầu tư,...

### **3.3.4. Mở rộng hoạt động đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp**

Cần đẩy mạnh việc triển khai hoạt động đầu tư trực tiếp tại tất cả các Quỹ, nhất là các Quỹ ĐTPT của các tỉnh, thành phố phía Bắc. Đối với các Quỹ đã thực hiện hoạt động đầu tư trực tiếp, cần tăng cường hơn nữa vai trò của Quỹ trong việc đầu tư mở đường và là người khởi sướng, dẫn dắt hoạt động đầu tư của các tổ chức, cá nhân khác trên địa bàn.

Cần phân định rõ ràng phạm vi của đầu tư trực tiếp với đầu tư gián tiếp. Đầu tư trực tiếp là việc góp vốn, mua cổ phiếu của các doanh nghiệp với mục tiêu tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp đó hoặc trực tiếp thực hiện đầu tư vào các dự án với vai trò là chủ đầu tư. Đầu tư gián tiếp là các hoạt động như đầu tư cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác để sinh lời nhưng không nhằm mục tiêu tham gia quản lý, điều hành.

Trong hoạt động đầu tư trực tiếp, các Quỹ ĐTPT địa phương vẫn phải tiếp tục phục vụ các mục tiêu, kế hoạch phát triển của chính quyền cấp tỉnh. Bên cạnh đó, các Quỹ ĐTPT phải chủ động thực hiện việc đầu tư trực tiếp theo cơ chế thị trường tài, nâng cao tính hiệu quả của các dự án đầu tư và đầu tư theo danh mục cho phép thoát vốn nhanh.

Đối với hoạt động đầu tư gián tiếp, các Quỹ ĐTPT nên thành lập các định chế trực thuộc riêng biệt như công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ để chuyên môn hóa các hoạt động đầu tư trên thị trường vốn và huy động thêm nguồn tiền nhân rồi từ công chúng đầu tư phục vụ cho mục tiêu đầu tư của Quỹ. Cần cho phép các Quỹ ĐTPT được thực hiện nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các loại công cụ Quỹ ĐTPT được phép bảo lãnh bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu Chính quyền địa phương và cổ phiếu, trái phiếu do các doanh nghiệp phát hành. Các Quỹ cần phải phải xây dựng quy trình phân tích rủi ro và danh mục các công cụ đầu tư hợp lý phù hợp với khả năng tài chính của các Quỹ và phân tán rủi ro trong quá trình hoạt động.

### **3.3.5. Phối hợp thực hiện chính sách công - tư kết hợp trong các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn**

Mở rộng hoạt động đầu tư của các Quỹ ĐTPT địa phương cần được tiến hành đồng bộ với việc tăng cường vai trò của Quỹ ĐTPT với tư cách là công cụ tài chính của chính quyền địa phương trong việc thu hút khu vực tư nhân tham gia phát triển dự án kết cấu hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thông qua chính sách hợp tác công - tư (*PPP*).

### **3.3.6. Điều chỉnh cơ cấu cho vay theo hướng giảm mức vốn tham gia trong từng dự án, thực hiện cho vay hợp vốn và tăng tỷ lệ tham gia vào từng dự án cho vay hợp vốn**

Hoạt động cho vay của các Quỹ ĐTPT cần chuyển dịch dần theo hướng tăng tỷ trọng cho vay hợp vốn với các tổ chức tài chính khác. Các dự án cho vay phải nằm trong danh mục các dự án, công trình trọng điểm có ý nghĩa quyết định đến việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương. Hoạt động cho vay ngắn hạn cần được chấm dứt.

Cho phép Quỹ ĐTPT tham gia vào quá trình thẩm định dự án trình UBND cấp tỉnh quyết định phê duyệt dự án. Đồng thời, Quỹ ĐTPT có quyền từ chối cho vay đối với các

dự án không khả thi, không có khả năng thu hồi vốn vay như vai trò của một tổ chức cấp tín dụng thực thụ. Lãi suất cho vay và kỳ hạn cho vay được xác định phù hợp với từng loại dự án căn cứ trên mức độ sinh lời của dự án đó. Quỹ ĐTPT cũng có quyền áp dụng các biện pháp về thế chấp, cầm cố tài sản theo quy định của pháp luật.

### **3.3.7. Nâng cao khả năng quản trị rủi ro**

Rủi ro của Quỹ sẽ có liên quan tới các tổ chức tài chính trên địa bàn, dẫn tới rủi ro hệ thống tài chính trong cả nước, đặc biệt là các Quỹ lớn. Vấn đề quản trị rủi ro tại các Quỹ ĐTPT địa phương chưa thực hiện bài bản, như các tổ chức tín dụng, dẫn tới nguy cơ rủi ro trong hoạt động là tương đối cao. Do đó, các cơ quan quản lý nhà nước như: Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cần xem xét, ban hành các qui định về quản trị rủi ro bắt buộc đối với các Quỹ ĐTPT địa phương tương tự như qui định đối với định chế tài chính phi ngân hàng, ví dụ như: quy định về quản trị hoạt động, quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Quỹ; quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro...

### **3.3.8 Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra hoạt động của Quỹ**

Cùng với sự mở rộng hoạt động huy động vốn và đầu tư vốn, rủi ro trong hoạt động của Quỹ ĐTPT cũng sẽ tăng lên. Ngoài ra, Quỹ ĐTPT là do địa phương thành lập nên ít nhiều cũng sẽ gặp phải những rủi ro nhất định từ sức ép của các cấp chính quyền địa phương. Do đó, vấn đề giám sát, kiểm tra cần phải được tăng cường cùng với sự phát triển hoạt động của Quỹ. Cần kiện toàn kiểm tra giám sát theo 2 hướng:

Kiểm tra, giám sát nội bộ: Để thực hiện tốt hoạt động giám sát trước nhằm giúp Quỹ ĐTPT địa phương hoạt động đúng hướng, hiệu quả và không gây ra rủi ro và thất thoát vốn, các Quỹ ĐTPT cần phải xây dựng hệ thống chỉ tiêu cảnh báo nội bộ và phương thức giám sát thường xuyên trong từng khâu hoạt động của Quỹ. Nếu từng khâu hoạt động của Quỹ vượt quá qui định của các chỉ tiêu cảnh báo nội bộ thì Ban Kiểm soát sẽ báo cáo và kiến nghị hướng giải quyết lên Hội đồng Quản trị, đồng thời thông báo cho Ban điều hành để có những chấn chỉnh kịp thời.

Kiểm tra giám sát từ cơ quan quản lý nhà nước: Quỹ ĐTPT địa phương là một tổ chức tài chính địa phương, hoạt động trong nhiều lĩnh vực của thị trường tài chính. Chủ quản thành lập là UBND các tỉnh, thành phố nên công tác kiểm tra giám sát của địa phương thường sẽ bao che cho các hoạt động không lành mạnh của Quỹ, dẫn tới rủi ro. Rủi ro của Quỹ sẽ có liên quan tới các tổ chức tài chính trên địa bàn, dẫn tới rủi ro hệ thống tài chính

trong cả nước, đặc biệt là các Quỹ lớn. Do đó, các cơ quan quản lý nhà nước cần xem xét, ban hành Thông tư về giám sát đối với hoạt động của các Quỹ ĐTPT. Thông tư cần qui định rõ hệ thống chỉ tiêu đánh giá tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ. Định kỳ các Quỹ ĐTPT phải gửi báo cáo theo mẫu về Bộ Tài chính, ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Căn cứ vào số liệu báo cáo, các cơ quan quản lý nhà nước sẽ phân tích tình hình hoạt động, nếu có hiệu tượng rủi ro, hoạt động có vấn đề, sẽ yêu cầu các Quỹ ĐTPT điều chỉnh theo các giải pháp cụ thể. Trường hợp nghiêm trọng, Bộ Tài chính và UBND tỉnh thành phố sẽ trực tiếp tham gia vào quá trình cơ cấu lại Quỹ, đưa Quỹ trở lại hoạt động bình thường.

### **3.3.9. Đẩy mạnh công tác tìm kiếm và mở rộng hoạt động quản lý vốn uỷ thác**

Cần nắm bắt kịp thời nhu cầu, chủ động tìm kiếm đầu ra và chứng minh về khả năng thực hiện uỷ thác để mở rộng hoạt động quản lý vốn uỷ thác của Quỹ.

Tăng tính chuyên nghiệp trong hoạt động quản lý vốn uỷ thác thông qua việc quản lý các Quỹ chuyên ngành như: Quỹ bán nhà thuộc sở hữu nhà nước, Quỹ cổ phần hoá DNNN, Quỹ xoay vòng, Quỹ giảm thiểu môi trường, Quỹ ĐTPT hạ tầng, Quỹ ĐTPT khoa học công nghệ, Quỹ BLTD cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ,...

Thành lập riêng công ty Quản lý vốn uỷ thác và hoặc công ty quản lý để thực hiện quản lý các Quỹ.

Các Quỹ ĐTPT địa phương có thể hợp vốn với khối tư nhân để đầu tư vào các dự án chiến lược cho phép tăng trưởng kinh tế trong khu vực và trên địa bàn lân cận.

### **3.3.10. Đa dạng hoá hoạt động dịch vụ tư vấn đầu tư tài chính**

Hoạt động tư vấn đầu tư trong thời gian tới của các Quỹ ĐTPT cần được mở rộng sang các lĩnh vực khác như:

- Tư vấn nghiên cứu thị trường, tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi, tư vấn nghiên cứu khả thi về tài chính;
- Tư vấn thẩm định: thẩm định phản biện các dự án đầu tư, các đề án thẩm định giá trị doanh nghiệp, thẩm định giá trị tài sản để thế chấp, mua bán;
- Tư vấn định giá tài sản và tổ chức lại doanh nghiệp doanh nghiệp khi cổ phần hoá, bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp; định giá từng tài sản riêng biệt để bán đấu giá hoặc cầm cố; tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp.
- Các hoạt động tư vấn khác gắn với thị trường chứng khoán.

### **3.3.11. Thực hiện bảo lãnh tín dụng đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa:**

Đề nghị Chính phủ cho phép Quỹ ĐTPT địa phương được đảm trách nhiệm vụ bảo lãnh tín dụng cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa vay vốn tín dụng ngân hàng. Thế mạnh của quỹ là khả năng thẩm định các dự án đầu tư nên việc thẩm định dự án để cấp bảo lãnh là không khó khăn đối với Quỹ và hiệu quả tương đối cao.

### 3.3.12. Hoàn thiện về mô hình tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển

Đối với các Quỹ quy mô hoạt động còn chưa đủ lớn, trước mắt cần tách riêng để có bộ máy hoạt động độc lập và hình thành các bộ phận tương tự như mô hình của các Quỹ ĐTPT có bộ máy độc lập như hiện nay. Nhân sự bộ máy của Quỹ cần được tuyển chọn kỹ, hình thành thêm bộ phận công nghệ thông tin (IT) để thực hiện chức năng quản lý hệ thống mạng nội bộ, ứng dụng công nghệ thông tin.

Đối với các Quỹ có quy mô lớn, phạm vi hoạt động rộng, cần từng bước chuyển hướng hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con.

Sau khi kết cấu hạ tầng kinh tế đã hoàn chỉnh, đáp ứng được yêu cầu phát triển lâu dài của địa phương, Quỹ ĐTPT địa phương sẽ tiến hành cổ phần hoá các doanh nghiệp thành viên và tiến tới cổ phần hoá toàn bộ Quỹ ĐTPT địa phương, chuyển Quỹ ĐTPT địa phương thành Quỹ đầu tư với đúng bản chất của nó. Hay nói cách khác là về dài hạn, các Quỹ ĐTPT địa phương có thể chuyển hướng ra khỏi thị trường ban đầu của mình để kết hợp với các nhà đầu tư khác trên thị trường, tức là hoạt động với tư cách là các ngân hàng phát hành trái phiếu để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị.

## 3.4. ĐIỀU KIỆN ĐỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP

Luận án đã đưa ra và phân tích những điều kiện để triển khai thực hiện các giải pháp:

**Một, tiếp tục đẩy mạnh việc phân cấp quản lý kinh tế cho Chính quyền các địa phương:** Chính sách về phân cấp quản lý cần được thực hiện một cách toàn diện trên mọi lĩnh vực thông qua một kế hoạch tổng thể, có phân kỳ lộ trình thực hiện trong từng giai đoạn. Chính quyền các địa phương cần tăng cường tập trung vào công tác quy hoạch, xây dựng kế hoạch và định hướng hoạt động. Các vấn đề cụ thể về thẩm định, quyết định đầu tư và cho vay sẽ do các Quỹ đầu tư tự quyết định.

**Hai, ổn định kinh tế vĩ mô nhằm khuyến khích tiết kiệm và đầu tư:** Việc ổn định kinh tế vĩ mô là tiền đề quan trọng để khuyến khích các hoạt động đầu tư trong nền kinh tế. Một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, ổn định; lạm phát được kiểm chế sẽ tạo cơ sở vững chắc cho việc thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Môi trường kinh tế vĩ mô ổn định sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các định chế tài chính trung gian, trong đó có



các Quỹ ĐTPT thực hiện huy động vốn trên thị trường, cũng như thực hiện các biện pháp về xã hội hoá nhằm thu hút các nguồn vốn khác nhau cho đầu tư phát triển.

**Ba, hoàn thiện hệ thống khung pháp lý và nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước:** Quốc hội cần sửa đổi, bổ sung kịp thời các luật đã có, đồng thời ban hành thêm các luật mới để điều chỉnh kịp thời các quan hệ phát sinh trong đời sống kinh tế - xã hội. Trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, trước mắt cần tập trung vào việc hoàn thiện các luật như: Luật NSNN, luật Các tổ chức tín dụng, Bộ luật Dân sự. Đồng thời, ban hành các luật mới như luật Tín thác đầu tư,... Hệ thống các văn bản pháp lý về quản lý hoạt động của thị trường bất động sản, thị trường ngoại hối và các loại thị trường tài chính khác cũng cần phải được hoàn thiện. Đối với các Quỹ ĐTPT địa phương, Bộ Tài chính cần ban hành đồng bộ hệ thống các văn bản hướng dẫn về Điều lệ mẫu, quy chế quản lý tài chính, chế độ kế toán, quy chế quản lý hoạt động cho vay,... .

**Bốn, phát triển thị trường tài chính nhằm nâng cao khả năng luân chuyển và huy động vốn cho đầu tư phát triển:** cần phát triển các hình thức cung cấp thông tin; phát triển và tăng cường năng lực cung cấp dịch vụ và khả năng tài chính của các trung gian tài chính trên thị trường; thực hiện chính sách công khai, minh bạch đối với mọi hoạt động trong nền kinh tế; từng bước nới lỏng các quy định chặt chẽ về việc kiểm soát luồng chu chuyển vốn, đồng thời cần có các bước đi cụ thể hội nhập với thị trường tài chính quốc tế để luồng vốn dịch chuyển tới những nơi, những lĩnh vực đầu tư hiệu quả nhất, mang lại lợi ích cho cả người đi vay và người cho vay cũng như toàn bộ nền kinh tế.

**Năm, nâng cao trình độ cán bộ quản lý và nhận thức của công chúng đầu tư:** Các Quỹ ĐTPT phải không ngừng đào tạo nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ. Nhà nước cần có các chương trình tuyên truyền, phổ cập kiến thức về thị trường vốn, thị trường chứng khoán cho công chúng hiểu rõ và tích cực tham gia đầu tư nhằm huy động tối đa các nguồn vốn nhân rồi phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

## KẾT LUẬN

Để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển ở nước ta là rất lớn. Xu hướng phi tập trung hoá trong quản lý kinh tế cũng ngày càng được mở rộng. Chính vì vậy, việc hình thành Quỹ ĐTPT địa phương nhằm giúp chính quyền các địa phương huy động tối đa các nguồn vốn nhân rồi phục vụ mục tiêu đầu tư phát triển; tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn là việc làm cần thiết. Bằng việc vận dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, Luận án đã giải quyết được cơ bản các nội dung sau:

*Một là*, hệ thống hoá các vấn đề lý luận cơ bản về đầu tư và Quỹ đầu tư, đưa ra hệ thống lý luận về Quỹ ĐTPT địa phương.

*Hai là*, tập hợp kinh nghiệm phát triển Quỹ đầu tư của một số nước và khái quát hoá thành 4 bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong quá trình xây dựng phát triển Quỹ đầu tư nói chung và Quỹ ĐTPT địa phương nói riêng.

*Ba là*, khảo sát tình hình thành lập và phát triển của hệ thống Quỹ ĐTPT địa phương ở Việt Nam trong thời gian qua, từ đó đưa ra bức tranh toàn cảnh về hiệu quả hoạt động của hệ thống Quỹ ĐTPT địa phương. Đồng thời chỉ ra những kết quả đạt được, cũng như hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế.

*Bốn là*, xây dựng 7 định hướng và mục tiêu nhằm xác định rõ phương hướng phát triển của các Quỹ ĐTPT địa phương trong thời gian tới.

*Năm là*, kiến nghị 12 nhóm giải pháp và 5 nhóm điều kiện triển khai thực hiện các giải pháp. 12 nhóm giải pháp tập trung vào tất cả các lĩnh vực hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương. Đây là những giải pháp có tính quyết định tới hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương trong tương lai.

Luận án hy vọng rằng với việc nghiên cứu, phân tích và khái quát hoá 5 nội dung nêu trên, Luận án sẽ đóng góp một phần nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ ĐTPT địa phương, góp phần thúc đẩy kinh tế tại các địa phương phát triển nhanh và bền vững; hạ tầng kinh tế có những thay đổi đột biến, tiến tới hiện đại; xã hội phát triển ổn định; thu nhập bình quân đầu người nhanh chóng vượt qua mức thu nhập trung bình của thế giới (1000 USD/người/năm).